

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

VỀ ĐIỀU LỆ ĐẢNG: QUY ĐỊNH THI HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG;
HƯỚNG DẪN MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỤ THỂ THI HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG

Nội dung báo cáo chuyên đề Điều lệ Đảng gồm 3 phần:

- **Phần 1:** Những nội dung bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng khóa XI
- **Phần 2:** Nội dung và những điểm mới trong Quy định thi hành Điều lệ Đảng
- **Phần 3:** Những điểm mới của Hướng dẫn một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng

PHẦN I

1. Mở đầu

Điều lệ Đảng có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng, quyết định đến sự tồn tại và phát triển của Đảng, có thể coi như Hiến pháp của Đảng, quy định những vấn đề cơ bản về tôn chỉ, mục đích, tính chất, tổ chức và hoạt động của Đảng.

Đảng ta đã qua 11 kỳ Đại hội, mỗi kỳ đều xem xét những nội dung cần bổ sung, sửa đổi để phù hợp với thực tiễn cách mạng và công tác xây dựng Đảng. Mặc dù luôn có sửa đổi, bổ sung qua các đại hội Đảng, nhưng những nội dung xuyên suốt của Đảng qua các thời kỳ không có sự thay đổi về bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng; sự trưởng thành và phát triển của Đảng luôn gắn liền với cách mạng Việt Nam.

2. Các quan điểm, nguyên tắc bổ sung sửa đổi Điều lệ Đảng

Để sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng lần này, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã thảo luận và định hướng rõ các quan điểm, được đại hội Đảng bộ các cấp và Đại hội XI của Đảng đồng tình cao. Đó là các quan điểm:

- Kiên định các nguyên tắc cơ bản về Đảng và xây dựng Đảng trên cơ sở chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; tiếp tục nghiên cứu bổ sung, phát triển, thể chế hóa những quan điểm mới có tính nguyên tắc về xây dựng Đảng, nhất là những quan điểm mới thể hiện trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội.

- Nghiên cứu bổ sung vào Điều lệ Đảng một số nội dung trong các nghị quyết của Trung ương về xây dựng Đảng, các văn bản quy định thi hành Điều lệ Đảng; một số vấn đề tiến hành thí điểm đã được tổng kết mà thực tiễn xây dựng Đảng thời gian qua đã khẳng định là đúng đắn, cần thiết, chín muồi, phổ biến, thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội Đảng toàn quốc.

- Phát huy dân chủ, trí tuệ trong thảo luận, tập hợp đầy đủ, trung thực ý kiến tham gia của đảng viên, cán bộ, của các cấp ủy, tổ chức đảng, các thành viên trong hệ thống chính trị, nhất là các ý kiến đã được tổng kết, đúc rút từ

lý luận và thực tiễn công tác xây dựng Đảng, có sự thống nhất cao trong toàn Đảng để bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng.

Tại Hội nghị lần thứ 12, Ban Chấp hành Trung ương khóa X đã quyết định đưa 23 vấn đề đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng để lấy ý kiến đảng viên và đại biểu Đại hội Đảng các cấp. Tại Hội nghị lần thứ 14, sau khi xem xét báo cáo của Bộ Chính trị về kết quả lấy ý kiến từ đại hội các cấp, Ban Chấp hành Trung ương quyết định đưa 15 vấn đề đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng trình Đại hội XI xem xét, quyết định. Đại hội XI đã thông qua 13 vấn đề sửa đổi, bổ sung so với Điều lệ Đảng Đại hội X thông qua (không kể việc sửa chữa câu, chữ cho phù hợp).

3. Điều lệ Đảng XI và những điểm bổ sung, sửa đổi mới

Cấu trúc chương, điều của Điều lệ Đảng XI

Kế thừa và phát triển Điều lệ Đảng của các Đại hội trước, ngày 19-01-2011 Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã thông qua Điều lệ Đảng bố cục gồm: Phần mở đầu, 12 chương và 48 điều, với kết cấu chương, điều giữ nguyên như Điều lệ Đảng X.

Phần mở đầu nói về Đảng và những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng.

Chương I: Về đảng viên;

Chương II: Về nguyên tắc tổ chức và cơ cấu tổ chức của Đảng;

Chương III: Cơ quan lãnh đạo của Đảng ở cấp Trung ương;

Chương IV: Cơ quan lãnh đạo của Đảng ở cấp địa phương;

Chương V: Tổ chức cơ sở Đảng;

Chương VI: Tổ chức Đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam;

Chương VII; Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng và ủy ban kiểm tra các cấp;

Chương VIII: Khen thưởng và kỷ luật;

Chương IX: Đảng lãnh đạo nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội;

Chương X: Đảng lãnh đạo Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

Chương XI: Tài chính Đảng;

Chương XII: Chấp hành Điều lệ Đảng.

Những nội dung cơ bản của Điều lệ Đảng và những điểm mới bổ sung, sửa đổi

Phần mở đầu: Đảng và những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng

Phần mở đầu của Điều lệ Đảng khóa X và XI nói về Đảng và những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng được thể hiện một cách có hệ thống gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên Đảng;

b) Bản chất mục đích của Đảng;

c) Nền tảng tư tưởng của Đảng;

d) Chủ nghĩa quốc tế;

e) Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng: Đảng là một tổ chức chặt chẽ, thống nhất ý chí và hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thương yêu đồng chí, kỷ luật nghiêm minh, đồng thời thực hiện các nguyên tắc: tự phê bình và phê bình, đoàn kết trên cơ sở Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng, gắn bó mật thiết với nhân dân, Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Nguyên tắc này cơ bản giữ như Điều lệ Đảng khóa X, có bổ sung sửa đổi nội dung: thay cụm từ “liên hệ mật thiết với nhân dân” bằng cụm từ “gắn bó mật thiết với nhân dân” ở khổ thứ 5 phần nói về nguyên tắc tổ chức của Đảng, nhằm khẳng định Đảng là một phần gắn liền với nhân dân và dân tộc; Đảng từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu và phù hợp với cách diễn đạt nội dung của Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011);

f) Mối liên hệ với nhân dân;

g) Quy luật phát triển của Đảng là xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn.

Chương I: Đảng viên, chương này gồm 8 điều (từ điều 1-8)

Điều 1: Về tiêu chuẩn đảng viên (có bổ sung mới)

Quy định đảng viên là ai và hội tụ những tiêu chuẩn, điều kiện gì; điểm mới bổ sung của quy định này: bên cạnh quy định đảng viên là chiến sỹ cách mạng trong đội tiên phong của giai cấp công nhân, đảng viên còn là chiến sỹ trong đội tiên phong của nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam vào khoản 1 Điều 1 để diễn đạt cho thống nhất với bản chất của Đảng đã nêu ở phần mở đầu. Diễn đạt lại là: “Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam là chiến sỹ cách mạng trong đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam;...”

Điều 2: Quy định về 4 nhiệm vụ chủ yếu của đảng viên (có bổ sung mới)

Trong điều này có bổ sung thêm cụm từ tại cuối khoản 2 “Không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ kiến thức, năng lực công tác, phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, có lối sống lành mạnh; đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, cục bộ, quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện khác. Chấp hành quy định của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm.

Điều 3: Quy định về quyền của đảng viên (giữ nguyên)

Điều 4: Quy định thủ tục kết nạp đảng viên (giữ nguyên)

Điều 5: Quy định về thời kỳ dự bị của đảng viên, công nhận đảng viên chính thức và xóa tên đảng viên dự bị (sửa đổi mới)

Điểm mới sửa đổi của quy định này là quy định về cách tính tuổi của đảng viên được quy định tại khoản 4, theo đó: Đảng viên đã được công nhận chính thức thì tuổi đảng của đảng viên tính từ ngày ghi trong quyết định kết nạp.

Cách tính cũ tuổi đảng của đảng viên được tính từ ngày ghi trong quyết định công nhận đảng viên chính thức.

Điều 6: Quy định về phát và quản lý thẻ đảng viên, quản lý hồ sơ đảng viên và thủ tục chuyển sinh hoạt đảng (giữ nguyên)

Điều 7: Quy định được xem xét cho miễn công tác và sinh hoạt đảng của đảng viên (giữ nguyên)

Điều 8: Quy định về các trường hợp cần xem xét xóa tên trong danh sách đảng viên; thủ tục khiếu nại; thủ tục cho ra khỏi Đảng đối với đảng viên (giữ nguyên)

Chương II: Nguyên tắc tổ chức và cơ cấu tổ chức của Đảng gồm có 6 điều (từ điều 9 – 14)

Điều 9: Quy định nội hàm của nguyên tắc tập trung dân chủ, gồm các nội dung chủ yếu đã được ghi trong Điều lệ Đảng (giữ nguyên)

Điều 10: Quy định về hệ thống tổ chức của Đảng (giữ nguyên)

Điều 11: Quy định về những nội dung cơ bản về đại hội đảng, đại biểu dự đại hội đảng (giữ nguyên)

Điều 12: Quy định về tiêu chuẩn cấp ủy viên, số lượng cấp ủy viên các cấp, cách thức bầu cử và cách tính kết quả bầu cử đã được nêu cụ thể trong Điều lệ Đảng (giữ nguyên)

Điều 13: Quy định về cấp ủy khóa mới được điều hành ngay công việc sau khi được bầu, việc bổ sung cấp ủy thiếu, việc thôi tham gia cấp ủy (có sửa đổi tại khoản 5)

Khoản 5, Điều 13 Điều lệ Đảng khóa X quy định: “Đối với tổ chức đảng mới thành lập, cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ định cấp ủy lâm thời; chậm nhất trong vòng một năm kể từ ngày có quyết định chỉ định, tổ chức đảng đó phải tiến hành đại hội; nếu kéo dài thêm thời gian phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý”.

Điều lệ Đảng Đại hội XI đã sửa đổi quy định này như sau:

“Từ tổ chức cơ sở đảng đến đảng bộ trực thuộc Trung ương nếu được thành lập mới, chia tách, hợp nhất, sáp nhập trong nhiệm kỳ, thì cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ định cấp ủy chính thức; chỉ đạo xây dựng hoặc bổ sung nhiệm vụ cho phù hợp; nhiệm kỳ đầu tiên của các cấp ủy này không nhất thiết là năm năm để nhiệm kỳ đại hội phù hợp với nhiệm kỳ đại hội của tổ chức cấp trên”.

Điều 14: Quy định về lập các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy mỗi cấp theo Hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương (giữ nguyên) (Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của các cơ quan tham mưu, giúp việc của Ban Chấp hành Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy)

Chương III: Cơ quan lãnh đạo của Đảng ở cấp Trung ương; Chương IV: Cơ quan lãnh đạo của Đảng ở cấp địa phương, hai chương này gồm có 6 điều (từ điều 15 – 20)

Nội dung của 2 chương này quy định về các cơ quan lãnh đạo của Đảng gồm đại hội đảng và cấp ủy đảng với các nội dung chủ yếu là: đại hội đại biểu toàn quốc và đại hội các cấp bao gồm cách thức tổ chức đại hội, nhiệm vụ của đại hội đại biểu toàn quốc và đại hội đại biểu các cấp; quy định về nhiệm vụ của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; nhiệm vụ của ban chấp hành đảng bộ cấp tỉnh, cấp huyện; về cấu tạo và phân công trong ban chấp hành các cấp từ Trung ương đến cấp tỉnh, cấp huyện... Với các nội dung chủ yếu của từng Điều như sau:

Điều 15: Quy định về đại hội đại biểu toàn quốc (giữ nguyên)

Điều 16: Quy định về những nhiệm vụ chủ yếu của Ban Chấp hành Trung ương; thời gian họp định kỳ Ban Chấp hành Trung ương (bổ sung mới ở khoản 2)

Để có căn cứ cho việc chỉ đạo thực hiện thí điểm một số chủ trương nhằm nghiên cứu, tổng kết, rút kinh nghiệm trước khi đề xuất bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng, Điều lệ Đảng Đại hội XI đã bổ sung mới vào Điều 16 khoản 2: **“Ban Chấp hành Trung ương căn cứ tình hình thực tế quyết định chỉ đạo thí điểm một số chủ trương mới”**

Điều 17: Quy định về việc lập Bộ Chính trị, Ban Bí thư, bầu Tổng bí thư, Ủy ban kiểm tra nhiệm vụ của Bộ Chính trị, Ban Bí thư (bổ sung mới khoản 2,3)

Để phù hợp với nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng gắn giữa công tác kiểm tra và giám sát được đại hội X đã thông qua, điều lệ Đảng XI có bổ sung mới tại khoản 2, 3 sau các từ kiểm tra bổ sung thêm từ giám sát khoản 2, Bộ Chính trị lãnh đạo và kiểm tra, **giám sát...**; khoản 3, Ban Bí thư lãnh đạo công việc hằng ngày của Đảng: chỉ đạo công tác xây dựng đảng và công tác quần chúng; kiểm tra, **giám sát...**

Điều 18, 19, 20: Quy định về các cơ quan lãnh đạo của đảng bộ cấp tỉnh, cấp huyện (giữ nguyên)

Chương V: Tổ chức cơ sở Đảng, gồm 4 điều (từ Điều 21-24)

Nội dung của chương này bao gồm các quy định:

Điều 21: Quy định về vị trí của tổ chức cơ sở đảng; điều kiện thành lập tổ chức cơ sở đảng... (có sửa đổi)

Hiện nay số lượng đảng viên, tổ chức đảng nhiều, để khắc phục tình trạng có quá nhiều tổ chức cơ sở đảng trực thuộc cấp ủy quận, huyện và tương đương, gây khó khăn cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý... (ví dụ như: phân bổ đại biểu dự đại hội, cơ cấu cấp ủy viên...). Điều lệ Đảng khóa XI đã sửa đổi lại khoản 2 của Điều 21 được quy định như sau:

Ở xã, phường, thị trấn có từ 3 đảng viên chính thức trở lên thì thành lập tổ chức cơ sở đảng (trực thuộc cấp ủy cấp huyện). Ở cơ quan, doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp, đơn vị quân đội, công an và các đơn vị khác có từ 3 đảng viên chính thức trở lên thì lập tổ chức đảng (tổ chức cơ sở đảng hoặc chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở); cấp ủy cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định việc tổ chức đảng đó trực thuộc cấp ủy cấp trên nào cho phù hợp;

Điều 22: Quy định về thời gian tổ chức đại hội; nội dung đại hội, đại biểu dự đại hội, thời gian họp định kỳ cấp ủy, cơ cấu, số lượng cấp ủy; việc sinh hoạt định kỳ của tổ chức cơ sở đảng (giữ nguyên)

Điều 23: Quy định về nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng; Điều 24: Quy định những nội dung chủ yếu về chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở (giữ nguyên)

Chương VI: Tổ chức Đảng trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân, gồm có 5 điều (từ Điều 25-29)

Từ Đại hội VI đến nay, các Điều lệ Đảng dành một chương riêng quy định về sự lãnh đạo của Đảng trong lực lượng vũ trang nhân dân.

Nội dung của chương này nói về: nguyên tắc lãnh đạo của Đảng đối với quân đội nhân dân và Công an nhân dân Việt Nam là tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt; sự lãnh đạo của Đảng tập trung thống nhất vào Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban bí thư...; quy định hệ thống tổ chức đảng và hoạt động trong quân đội nhân dân và Công an nhân dân Việt Nam.

Điều 25: Quy định về nguyên tắc đảng lãnh đạo Quân đội nhân dân và Công an nhân dân (có bổ sung mới)

Điểm bổ sung mới của Điều này là quy định cụ thể hóa vai trò lãnh đạo của Đảng ở khoản 1 Điều 25: Đảng lãnh đạo Quân đội và Công an nhân dân Việt Nam tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt; **Sự lãnh đạo của đảng được tập trung thống nhất vào Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Đảng quyết định những vấn đề cơ bản xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân...** đồng thời cũng cụ thể hóa sự quản lý của Nhà nước đối với lực lượng vũ trang, làm cơ sở để thể chế hóa về mặt pháp luật, đó là: **Nhà nước thống nhất quản lý đối với Quân đội, Công an và sự nghiệp quốc phòng, an ninh theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.**

Toàn bộ nội dung này được diễn đạt đầy đủ là: “Đảng lãnh đạo Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt; **sự lãnh đạo của Đảng được tập trung thống nhất vào Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Đảng quyết định những vấn đề cơ bản xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, là lực lượng nòng cốt cùng toàn dân bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, tham gia xây dựng đất nước. Nhà nước thống nhất quản lý đối với Quân đội, Công an và sự nghiệp quốc phòng, an ninh theo quy định của Hiến pháp và pháp luật”.**

Điều 26: Quy định về cách thức thành lập, cơ cấu, nhiệm vụ của Quân ủy Trung ương; nhiệm vụ của cơ quan chuyên trách công tác đảng, công tác chính trị trong Quân đội (có sửa đổi)

Điểm mới của nội dung này là thay tên gọi của Đảng ủy quân sự Trung ương (gọi tắt là Quân ủy Trung ương) của Điều lệ Đảng khóa X; theo đề nghị của Đảng ủy Quân sự Trung ương: Cần thiết phải đổi tên vì tên Quân ủy Trung ương gắn bó với truyền thống của Quân đội từ ngày đầu thành lập, đây cũng là tên Bác Hồ đã đặt cho đảng ủy Quân sự. Do vậy, Điều lệ Đảng khóa XI đã sửa đổi tên Đảng ủy Quân sự Trung ương thành Quân ủy Trung ương ở tất cả các quy định của Điều lệ có điều chỉnh nội dung này. Ở khoản 1 có bổ sung thêm quy định “**đồng chí Tổng bí thư là Bí thư Quân ủy Trung ương**”.

Điều 27: Quy định về cơ cấu, nhiệm vụ của cấp ủy Quân đội, nguyên tắc lãnh đạo của cấp ủy cùng cấp đối với tổ chức đảng trong bộ đội chủ lực, bộ đội biên phòng, đảng ủy quân khu, đảng ủy quân sự tỉnh, thành phố, huyện, quận, thị xã (có bổ sung mới)

Điểm mới bổ sung của Điều này là ở cuối khoản 4 quy định rõ “**đồng chí bí thư cấp ủy địa phương trực tiếp làm bí thư đảng ủy quân sự cùng cấp**”.

Đọc toàn văn câu này là: “Đảng ủy quân sự tỉnh, thành, huyện, quận, thị xã gồm các đồng chí công tác trong đảng bộ quân sự địa phương do đại hội cùng cấp bầu, đồng chí bí thư cấp ủy địa phương và một số đồng chí ngoài đảng bộ quân sự địa phương được cấp ủy địa phương chỉ định tham gia. **Đồng chí bí thư cấp ủy địa phương trực tiếp làm bí thư đảng ủy quân sự cùng cấp**”.

Điều 28, 29: Quy định về cơ cấu cấp ủy, nhiệm vụ của Đảng ủy Công an Trung ương; nhiệm vụ của cơ quan chuyên trách công tác

đảng, công tác chính trị trong lực lượng Công an; về cơ cấu cấp ủy, nguyên tắc lãnh đạo của cấp ủy địa phương đối với lực lượng Công an.

Chương VII: Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng và Ủy ban kiểm tra các cấp, gồm 4 điều (từ 30-33) (giữ nguyên)

Kiểm tra, giám sát là một trong những chức năng lãnh đạo chủ yếu của Đảng, một bộ phận quan trọng trong toàn bộ công tác xây dựng Đảng, nhất là trong điều kiện là một đảng cầm quyền, Đảng lãnh đạo chính quyền và MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội. Điều lệ Đảng đã dành một chương quy định về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

Điều 30: Quy định về vị trí vai trò của công tác kiểm tra, giám sát trong công tác xây dựng Đảng; nhiệm vụ của tổ chức đảng, cấp ủy đảng đối với công tác kiểm tra, giám sát;

Điều 31: Quy định về tổ chức ủy ban kiểm tra, cơ chế làm việc của ủy ban kiểm tra các cấp;

Điều 32: Quy định về nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra các cấp;

Điều 33: Quy định về việc Ủy ban kiểm tra có quyền yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên báo cáo, cung cấp tài liệu về những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra, giám sát.

Chương VIII: Về việc thi hành kỷ luật và khen thưởng đảng viên, gồm có 7 điều (từ 34 – 40).

Điều lệ Đảng quy định rất chặt chẽ về việc thi hành kỷ luật đối với đảng viên và tổ chức đảng phạm sai lầm, khuyết điểm. Từ Đại hội VIII đến nay theo đề nghị của Ban Chấp hành Trung ương, Đại hội toàn quốc đã nhất trí thông qua việc bổ sung quy định về khen thưởng “tổ chức đảng và đảng viên có thành tích được khen thưởng theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương” vào cùng chương này.

Nội dung chủ yếu của chương này là:

Điều 34: Quy định khen thưởng tổ chức đảng và đảng viên có thành tích trong công tác xây dựng đảng (giữ nguyên);

Điều 35: Nguyên tắc và các hình thức xử lý kỷ luật đảng đối với tổ chức đảng và đảng viên (giữ nguyên);

Điều 36: Thẩm quyền thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm (có bổ sung mới).

Điều lệ Đại hội X đã quy định: “Chi bộ quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong chi bộ (kể cả cấp ủy viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý) vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên (trừ nhiệm vụ do cấp trên giao)

Tuy vậy, tại các khoản 2,3 Điều 36, Chương VIII Điều lệ Đảng X lại chưa thể hiện nội dung giao cho cấp ủy từ cấp huyện và tương đương trở lên

thẩm quyền quyết định kỷ luật khiển trách, cảnh cáo đảng viên (kể cả cấp ủy viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý) vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên (trừ nhiệm vụ do cấp trên giao).

Điều này đã gây khó khăn lúng túng khi xem xét, xử lý kể cả xem xét, xử lý khiếu nại về kỷ luật.

Điều lệ Đại hội XI đã bổ sung thêm nội dung trên vào khoản 2, khoản 3 Điều 36 để diễn đạt thống nhất với khoản 1 như sau:

2. Cấp ủy tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên; **quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp ủy viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên; quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp ủy viên cùng cấp vi phạm nhiệm vụ do cấp ủy giao.**

Ban thường vụ cấp ủy quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên; **quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp ủy viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên;** cán bộ thuộc diện cấp ủy trên quản lý vi phạm nhiệm vụ chuyên môn được giao.

3. Ban chấp hành Trung ương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên kể cả ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Bộ Chính trị.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; **khiển trách, cảnh cáo Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên.**

Điều 37: Quy định thẩm quyền kỷ luật tổ chức đảng vi phạm (giữ nguyên);

Điều 38: Quy định cấp có thẩm quyền xử lý tổ chức đảng và đảng viên vi phạm (giữ nguyên)

Điều 39: Quy định về thủ tục xử lý kỷ luật đảng, thủ tục giải quyết khiếu nại, kỷ luật (giữ nguyên)

Điều 40: Quy định về việc khai trừ đảng viên vi phạm pháp luật, cách thức giải quyết đối với tổ chức đảng bị kỷ luật giải tán... (giữ nguyên)

Chương IX: Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội, chương này gồm có 3 điều (từ Điều 41 – 43)

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn đặt ra cho sự lãnh đạo của Đảng, bắt đầu từ đại hội IV Điều lệ đảng Cộng sản Việt Nam đến nay đã có những quy

định riêng về sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội.

Nội dung của chương này chủ yếu quy định về phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội (trừ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vì được quy định tại chương X)

Điều lệ Đảng khóa X Tiêu đề của chương này là: Đảng lãnh đạo Nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội. Điều lệ Đại hội XI bổ sung cụm từ “**Mặt trận Tổ quốc**” để thành: Đảng lãnh đạo Nhà nước, **Mặt trận Tổ quốc** và đoàn thể chính trị - xã hội.

Điều 41: Quy định về phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội (giữ nguyên)

Điều 42, 43: Quy định về việc thành lập đảng, đoàn ở các cơ quan dân cử; thành lập ban cán sự đảng ở các cơ quan hành pháp, tư pháp cấp Trung ương và cấp tỉnh (cơ bản giữ nguyên)

Quy định nhiệm vụ của đảng đoàn, ban cán sự đảng có sự thay đổi so với Điều lệ Đại hội X như: Đảng đoàn, ban cán sự đảng không có nhiệm vụ kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng mà chỉ có nhiệm vụ lãnh đạo công tác kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng. Điều này xuất phát từ thực tế đảng đoàn, ban cán sự đảng không có bộ máy giúp việc để thực hiện công tác kiểm tra và trên thực tế các ban cán sự đảng, đảng đoàn không thực hiện được công tác kiểm tra.

3.2.10. Chương X: Đảng lãnh đạo Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, chương này có 2 điều (từ Điều 44 – 45) (giữ nguyên)

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh với tư cách là đội hậu bị của Đảng, Điều lệ Đảng qua 11 kỳ đại hội đều dành một phần hoặc một chương nói về Đảng lãnh đạo Đoàn Thanh niên:

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là đội dự bị tin cậy của Đảng, thường xuyên bổ xung lực lượng trẻ cho Đảng, kế tục sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh; là lực lượng nòng cốt trong thanh niên; phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Cấp ủy đảng lãnh đạo trực tiếp tổ chức đoàn cung cấp về phương hướng, nhiệm vụ, tư tưởng, tổ chức, cán bộ.

3.2.11. Chương XI: Về tài chính của Đảng. Chương XII: Về chấp hành điều lệ Đảng, gồm 3 Điều (từ Điều 46 – 48) (giữ nguyên)

Hai chương này quy định về tài chính, tài sản của Đảng và nghĩa vụ chấp hành Điều lệ Đảng của tổ chức đảng, đảng viên trong toàn Đảng.

Như vậy, Điều lệ Đảng Đại hội XI có 13 vấn đề lớn được bổ sung, sửa đổi mới

1. Những điểm bổ sung mới (có 7 điểm chính):

- **Khoản 1 điều 1, chương I:** Tiêu chuẩn đảng viên, bổ sung nội dung: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam là chiến sỹ cách mạng trong đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam

- **Khoản 2 điều 2, chương II:** Bổ sung nội dung nhiệm vụ của đảng viên: Đảng viên phải “chấp hành quy định của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm”.

- **Khoản 2 điều 16, chương III:** Bổ sung khoản 2 vào quy định: “Ban Chấp hành Trung ương căn cứ tình hình thực tế quyết định chỉ đạo thí điểm một số chủ trương mới”.

- **Khoản 1 điều 25, chương VI:** Bổ sung nội dung: Đảng lãnh đạo Quân đội và Công an nhân dân Việt Nam là tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt; sự lãnh đạo của Đảng được tập trung thống nhất vào Ban Chấp hành trung ương mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Đảng quyết định những vấn đề cơ bản xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức...”

- **Khoản 1 điều 25, chương VI:** Bổ sung đoạn cuối: “Nhà nước thống nhất quản lý đối với Quân đội, Công an và sự nghiệp quốc phòng, an ninh theo quy định của Hiến pháp và pháp luật”.

- **Khoản 1 điều 26, chương VI:** Bổ sung quy định: “Đồng chí Tổng bí thư là bí thư Quân ủy Trung ương, đồng chí bí thư cấp ủy địa phương là bí thư đảng ủy quân sự cùng cấp.

- **Khoản 2 điều 36, chương VIII:** Bổ sung: thẩm quyền kỷ luật của cấp ủy từ cấp huyện và tương đương trở lên thẩm quyền quyết định kỷ luật, khiển trách, cảnh cáo đảng viên (kể cả cấp ủy viên các cấp, đảng viên thuộc dạng cấp ủy viên trên quản lý) vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên (trừ nhiệm vụ do cấp trên giao).

2. Những điểm sửa đổi mới (6 điểm chính)

- **Phần mở đầu:** thay cụm từ “liên hệ mật thiết với nhân dân” bằng cụm từ “gắn bó mật thiết với nhân dân” ở khổ thứ 5 phần nói về nguyên tắc tổ chức của Đảng.

- **Khoản 4 điều 5, chương I:** Sửa đổi về cách tính tuổi đảng cho đảng viên như sau: Đảng viên đã được công nhận chính thức thì tuổi đảng tính từ ngày ghi trong quyết định kết nạp

- **Khoản 5 điều 13, chương II:** Về quy định về cấp ủy và nhiệm kỳ của cấp ủy ở những nơi thành lập mới, chia tách, hợp nhất, sáp nhập, trong nhiệm kỳ thì: “cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ định cấp ủy chính thức; chỉ đạo xây dựng hoặc bổ sung nhiệm vụ cho phù hợp; nhiệm kỳ đầu tiên của các cấp ủy này không nhất thiết là 5 năm để nhiệm kỳ đại hội phù hợp với nhiệm kỳ đại hội của tổ chức đảng cấp trên”.

- **Khoản 2 điều 21, chương V:** Sửa đổi quy định về thành lập tổ chức cơ sở đảng trực thuộc cấp ủy cấp huyện như sau: “Ở xã, phường, thị trấn có từ 3 đảng viên chính thức trở lên, lập tổ chức cơ sở đảng (trực thuộc cấp ủy huyện). Ở cơ quan, doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp, đơn vị quân đội, công an và các đơn vị khác có từ ba đảng viên chính thức trở lên, lập tổ chức đảng (tổ chức cơ sở đảng hoặc chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở), cấp ủy cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định tổ chức đảng đó trực thuộc cấp ủy cấp trên nào cho phù hợp; nếu chưa đủ ba đảng viên chính thức thì cấp ủy cấp trên trực tiếp giới thiệu đảng viên sinh hoạt ở tổ chức đảng thích hợp”.

- **Khoản 2 điều 26, chương VI:** Đổi tên “Đảng ủy quân sự trung ương” thành “Quân ủy trung ương” trong tất cả các quy định của điều lệ Đảng khi nói về Đảng ủy quân sự Trung ương.

- **Khoản 3 điều 42 và khoản 3 điều 43, chương IX:** Quy định đảng đoàn, ban cán sự đảng có nhiệm vụ “lãnh đạo công tác kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng”.